

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
I	ĐỌC HIỂU	Văn bản nghị luận	2	2	1	0	4.0
II	VIẾT Câu 1	Viết đoạn văn 200 chữ bàn về một vấn đề được gợi ra từ phần đọc hiểu				1	2.0
	Câu 2	Viết bài văn 500 chữ kể về một hoạt động xã hội				1	4.0
Tổng điểm			1,0	2,0	1,0	6,0	100
Tỉ lệ %			40%			60%	
Tỉ lệ chung			40			60	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng điểm
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC-HIỂU	Văn bản nghị luận (Ngoài SGK)	Nhận biết: - Nhận biết được những dấu hiệu của văn bản nghị luận. - Nhận biết được vấn đề nghị luận trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ trong văn bản. - Nêu được hậu quả của việc có lối học lệch lạc, sai trái. Vận dụng: - Nêu được suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.	2	2	1		4.0
2	VIẾT Câu 1	Viết đoạn văn ngắn bàn luận về vấn đề được gọi ra ở phần đọc hiểu.	Vận dụng cao: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn luận về tầm quan trọng của việc học đối với học sinh hiện nay. - Nêu được hệ thống luận điểm dẫn chứng hợp lí, logic. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận chặt chẽ, thuyết phục lời văn có giọng điệu,				1	2.0

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng điểm
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			hình ảnh.					
	Câu 2	Viết bài văn kể về một hoạt động xã hội.	Vận dụng cao: Viết một bài văn (khoảng 500 chữ) kể lại một hoạt động xã hội (từ thiện) mà em đã tham gia. - Xác định được cấu trúc một bài văn kể về một hoạt động xã hội. - Giới thiệu được các thông tin cơ bản của hoạt động xã hội. - Nêu được các sự kiện chính, kể lại các sự kiện theo thứ tự hợp lí, logic. - Kết hợp được các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm. Nêu được tình cảm của bản thân đối với hoạt động xã hội ấy. - Vận dụng được các kiến thức về kĩ năng dùng từ, viết câu. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				1	4.0
Tổng				2	2	1	2	10
Tỉ lệ %				10	20	10	60	10
Tỉ lệ chung				40			60	10

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

BÀN VỀ PHÉP HỌC

“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo”. Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cự triều, đều tuy đâu tiện đấy mà đi học. Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Hoạ may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị. Đó là mấy điều, thành thật xin dâng. Chẳng quản lời nói vu vơ, cúi mong Hoàng thượng soi xét. Kẻ hèn thần cung kính tấu trình.

(La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, theo La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hoãn tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998)

Chú thích:

Tam cương: Ba mối quan hệ theo quan niệm Nho giáo thời phong kiến, bao gồm: vua tôi, cha con, chồng vợ.

Ngũ thường: Các đức tính chuẩn mực của con người theo quan niệm Nho giáo thời phong kiến, bao gồm: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Tứ thư, ngũ kinh, chư sử: Chỉ những cuốn sách kinh điển, chuẩn mực cho giáo dục Nho giáo thời phong kiến.

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2 (0,5 điểm): Văn bản trên đang bàn về điều gì?

Câu 3 (1,0 điểm): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu sau:

“Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử”

Câu 4 (1,0 điểm): Theo em, lối học tập sai trái lệch lạc trong cuộc sống hiện

nay sẽ gây ra hậu quả gì?

Câu 5 (1,0 điểm): Để thực hiện ước mơ, hoài bão của mình, mỗi học sinh cần lựa chọn một mục đích học tập đúng đắn. Vậy mục đích học tập của em là gì? Hãy lí giải vì sao em lựa chọn mục đích ấy?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn luận về tầm quan trọng của việc học đối với học sinh hiện nay.

Câu 2 (4,0 điểm): Viết một bài văn (khoảng 500 chữ) kể lại một hoạt động xã hội (từ thiện) mà em đã tham gia.

...HẾT....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN 8 CUỐI HỌC KÌ I

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Phần đọc hiểu (4,0 điểm)	1	Văn bản nghị luận	0,5
	2	Bàn về phép học	0,5
	3	1. Biện pháp tu từ liệt kê: tứ thư, ngũ kinh, chư sử 2. Tác dụng: - Tăng sức gợi hình gợi cảm, đầy đủ, rõ ràng - Kể tên các tác phẩm chuẩn mực cần thiết cho việc học tập theo ý kiến của tác giả, nhấn mạnh vào ý kiến của tác giả.	0.25 0.25 0.5
	4	Học sinh nêu được ít nhất hai ý, mỗi ý được 0.5 điểm: Gợi ý: - Dẫn đến sự thiếu tự tin, sự chán nản và thậm chí là bỏ học. - Học sinh cũng có thể không đạt được tiềm năng của mình và không thể đóng góp cho xã hội một cách tốt nhất ...	0.5 0.5
	5	- Nêu được mục đích học tập chính đáng (học để có tri thức, thực hiện ước mơ nghề nghiệp, v.v...) - Lí giải được tại sao mình có mục đích học tập ấy Cứ mỗi một ý được nêu thì học sinh được 0,5 điểm	0.5 0.5
II. Phần viết (6,0 điểm)	1	Đảm bảo cấu trúc 3 phần : Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn luận về tầm quan trọng của việc học đối với học sinh hiện nay.	0,25
		Về mặt hình thức: Trình bày gọn gàng sạch sẽ, không tẩy xóa, không sai chính tả, không mắc các lỗi diễn đạt, lỗi lập luận. Ngắn gọn súc tích và đủ ý.	0.25
		Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng hợp lí, lời văn lôi cuốn và có sự sáng tạo.	
		I. Mở đoạn: Giới thiệu được vấn đề bàn luận	0.25
		II. Thân đoạn: - Giải thích học là gì?	0.25
		- Nêu vai trò, ảnh hưởng của việc học tập đối với học sinh hiện nay: + Cá nhân: Hòa nhập cộng đồng, trau dồi tri thức, v.v...	0.25 0.25
		+ Xã hội: Tạo tiền đề giúp cho xã hội phát triển, v.v... - Phản đề: Tuy việc học quan trọng nhưng vẫn còn nhiều bạn học sinh chểnh mảng trong học tập. v.v...	0.25
		III. Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề bàn luận.	0.25
			0,25

	2	Đảm bảo cấu trúc 3 phần : Mở bài, thân bài, kết bài. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết một bài văn (khoảng 500 chữ) kể lại một hoạt động xã hội (từ thiện) mà em từng tham gia.	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu được hoạt động xã hội.	0.5
		2. Thân bài: - Nêu được thông tin cơ bản của hoạt động xã hội đó (Tên hoạt động? Ai tổ chức? Nhằm mục đích gì? Không gian, thời gian? Số người tham gia) - Nêu được các diễn biến của hoạt động.	0,5
		+ Trước khi hoạt động diễn ra. + Trong khi diễn ra hoạt động. + Kết thúc hoạt động,	0,5 0,5
		3. Kết bài: - Khẳng định giá trị mà hoạt động xã hội đó đem lại. - Nêu tình cảm , suy nghĩ của bản thân.	0.5
		Về mặt hình thức: Trình bày gọn gàng sạch sẽ, không tẩy xóa, không sai chính tả, không mắc các lỗi diễn đạt, lỗi lập luận. (Trừ điểm nếu không tách đoạn hoặc chỉ viết đoạn văn)	0,25
		Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục, lời văn lôi cuốn và có sự sáng tạo. (Trừ điểm nếu thiếu các yếu tố miêu tả và biểu cảm)	0,25

.... HẾT...